

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng
nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025

Sau 10 năm thực Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 18/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 và 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; nông nghiệp của tỉnh đạt được những thành tựu quan trọng, khá toàn diện, bộ mặt nông thôn có sự thay đổi rõ nét; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh. Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp chiếm 18,76% trong GRDP của tỉnh; diện tích, sản lượng cây lương thực và thủy sản vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,66%. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với thế mạnh, lợi thế của từng địa phương và nhu cầu của thị trường; bước đầu thu hút được nhiều dự án lớn đầu tư vào nông, lâm nghiệp, hình thành được một số vùng sản xuất cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp tập trung theo hướng hàng hóa, đã xác nhận 20 chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn. Các hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung ứng dịch vụ sản xuất nông nghiệp được đổi mới và phát huy hiệu quả. Hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp, phục vụ hiệu quả cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Xây dựng nông thôn mới của tỉnh được triển khai tích cực, thực chất và đạt nhiều kết quả tích cực. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 38 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân đạt 11,9 tiêu chí/xã; có 35 sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng sản xuất nông, lâm nghiệp chưa đạt mục tiêu Nghị quyết. Sản xuất nhỏ lẻ, phân tán và phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa theo liên kết có giá trị và thương hiệu; các hình thức tổ chức sản xuất còn nhiều hạn chế; thu nhập của người nông dân thấp, không ổn định. Ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong các khâu sản xuất còn chậm và

chưa đồng bộ. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp còn hạn chế. Tổ chức thực hiện các chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người dân hiệu quả còn thấp. Phát triển kinh tế lâm nghiệp chưa xứng với tiềm năng, thế mạnh. Triển khai xây dựng nông thôn mới ở các xã vùng cao, biên giới kết quả chưa cao, các tiêu chí chủ yếu như: Giao thông, điện, thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, môi trường... không đạt yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém: Điện Biên là tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, độ dốc lớn, đất sản xuất phân tán, manh mún; trình độ sản xuất còn hạn chế, quy mô nền kinh tế còn nhỏ lẻ. Nguồn lực huy động, đầu tư cho sản xuất, cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới chưa đáp ứng nhu cầu. Một số cơ chế, chính sách thực hiện nông thôn mới, đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp còn bất cập và chưa đồng bộ. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn hạn chế; công tác phối hợp có việc còn thiếu chủ động. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu. Một bộ phận người dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ nại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Thực hiện Kết luận số 54-KL/TW, ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025, với những nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và người dân, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; trên cơ sở kế thừa, phát huy những kết quả, thành tựu đã đạt được; đồng thời, huy động các nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng vùng, địa phương theo hướng liên kết sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững.

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp phải có trọng tâm, trọng điểm; lựa chọn đúng các sản phẩm nông sản chủ lực, lợi thế của tỉnh, địa phương để ưu tiên, tập trung đầu tư phát triển thành hàng hóa. Lấy doanh nghiệp, hợp tác xã là hạt nhân, giữ vai trò chủ đạo trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Phát triển nông, lâm nghiệp tập trung theo hướng sản xuất sạch, an toàn, GAP, hữu cơ.

Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 quyết liệt, hiệu quả, bền vững; tăng cường thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở thôn, bản, đội...

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh phát triển toàn diện sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh trên cơ sở cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, có liên kết và ứng dụng công nghệ cao; tăng cường khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; tập trung nâng cao chất lượng lúa, gạo đặc sản theo cánh đồng lớn, phát triển cây ăn quả, gia súc ăn cỏ, bảo vệ tốt diện tích có rừng, đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp (trồng cây gỗ lớn, cây dược liệu, cây lâm nghiệp đa mục đích như Mắc ca) để phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả, bền vững; từng bước hoàn thành các mục tiêu xã, bản đạt chuẩn nông thôn mới theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIV; nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh; phát triển thị trường, tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm ổn định cho người dân, từ đó góp phần đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện, nâng cao đời sống của người dân, giúp giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, ... đưa sản xuất nông, lâm nghiệp thực sự là ngành tạo thu nhập chính cho người dân, là trụ đỡ và có đóng góp quan trọng trong GRDP của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

(1)- Tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực nông, lâm nghiệp đạt 3,16%/năm. Cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp chiếm 16,42% GRDP của tỉnh. Giá trị sản xuất/01 ha trồng trọt tăng thêm từ 15% trở lên.

(2)- Diện tích gieo trồng cây lương thực 82.150 ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 280 nghìn tấn. Phát triển thêm ít nhất 1.000 ha cây ăn quả phù hợp, có lợi thế, giá trị kinh tế cao theo hướng hàng hóa (cây có múi, xoài, nhãn, chuối, dứa, chanh leo,...); hình thành vùng nguyên liệu để thực hiện liên kết vùng.

(3)- Cây cà phê, chè, cao su: Duy trì và khai thác hiệu quả diện tích hiện có.

(4)- Cây mắc ca: Tập trung chỉ đạo hoàn thiện các thủ tục đầu tư, thủ tục thuê đất và trồng cây mắc ca đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư; đến năm 2025 cơ bản diện tích đất quy hoạch trồng cây mắc ca được triển khai trồng cây. Đẩy mạnh hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết phát triển cây mắc ca tại các địa phương có dự án.

(5)- Phân đầu ít nhất 70% công trình thủy lợi và 10% công trình nước sạch nông thôn tập trung có tổ chức quản lý, khai thác, vận hành theo quy định.

(6)- Tốc độ phát triển đàn gia súc bình quân đạt 3,5%/năm, đàn gia cầm từ 5%/năm trở lên. Diện tích nuôi trồng thủy sản trên 2.740 ha, tổng sản lượng thủy sản đạt 4,8 nghìn tấn; giá trị sản xuất 01 ha thủy sản tăng thêm từ 20% trở lên.

(7)- Tập trung bảo vệ diện tích có rừng và khoanh nuôi tái sinh; thu hút đầu tư trồng rừng kinh tế, trồng rừng gỗ lớn, cây lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng tại vùng phù hợp; nâng tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 lên 45,5%.

(8)- Phần đầu có 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; trên 45% số xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới. Phần đầu ít nhất 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn giảm còn dưới 22% (bình quân giảm 3%/năm); thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn gấp 1,3 lần so với năm 2020; mỗi năm thành lập mới trên 10 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả; nâng tỷ lệ người dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh từ 85% trở lên.

II- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với cơ cấu lại sản xuất

1.1. Phát triển cây lương thực

Phát triển sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm; quản lý, bảo vệ tốt diện tích đất sản xuất lúa nước hiện có, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất lúa vùng lòng chảo cánh đồng Mường Thanh; đẩy mạnh phát triển lúa chất lượng cao theo chuỗi liên kết giá trị tại huyện Điện Biên, thành phố Điện Biên Phủ, huyện Mường Ảng và Tuần Giáo; chú trọng duy trì và nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu gạo Điện Biên. Tăng cường khai hoang, mở rộng diện tích lúa nước ở những khu vực được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi; triển khai thực hiện dồn điền, đổi thửa, chỉnh trang thiết kế đồng ruộng; giảm dần diện tích lúa nương để chuyển sang trồng cây ăn quả, cây mắc ca, trồng cây thức ăn chăn nuôi,... Ổn định diện tích trồng ngô và thực hiện thâm canh để đảm bảo an ninh lương thực và phát triển chăn nuôi.

1.2. Phát triển cây ăn quả và cây công nghiệp

Ổn định, nâng cao chất lượng đối với diện tích cây ăn quả hiện có; mở rộng diện tích tại các khu vực có đất đai, tiểu vùng khí hậu phù hợp, tăng diện tích sản xuất an toàn, giảm sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống sâu, bệnh; chú trọng các khâu công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch; tạo sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu cầu sử dụng trong tỉnh, trên cả nước và định hướng xuất khẩu; đồng thời, phát triển thành vùng nguyên liệu liên kết với các nhà máy chế biến.

Phát triển nhanh diện tích trồng cây Mắc ca trên địa bàn tỉnh theo các dự án được phê duyệt, gắn với xây dựng nhà máy chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; tăng cường thực hiện rà soát, xác định quỹ đất phù hợp để cho doanh nghiệp thuê đất trồng mắc ca. Duy trì, quản lý, chăm sóc và khai thác hiệu quả diện tích cà phê, cao su, chè hiện có, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm theo hướng liên kết.

1.3. Chăn nuôi, thủy sản

Tập trung phát triển đàn gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa ở những vùng, địa phương có lợi thế, phù hợp; đẩy mạnh chuyển đổi phương thức chăn nuôi,

trồng cỏ, chế biến thức ăn chăn nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng thịt hơi; đảm bảo an toàn sinh học, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng; thực hiện kiểm soát tốt môi trường và dịch bệnh trong chăn nuôi. Chú trọng bảo tồn, phát triển các giống vật nuôi bản địa, tạo các sản phẩm đặc sản có chất lượng, giá trị cao phù hợp với nhu cầu thị trường.

Chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái; đa dạng hình thức nuôi, ứng dụng công nghệ nuôi thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; đẩy mạnh nuôi thủy sản ở các hồ chứa thủy lợi, thủy điện và trên các vùng nước ven sông, suối gắn với bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản đặc hữu, quý hiếm.

1.4. Lâm nghiệp

Tăng cường quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng đối với diện tích rừng hiện có; tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ kiểm lâm từ tỉnh tới cơ sở; đẩy mạnh thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh. Tập trung hoàn thành giao đất, giao rừng theo kế hoạch. Tiếp tục rà soát quy hoạch 3 loại rừng và thực hiện phân định ranh giới, cắm mốc rừng trên thực địa. Từng bước khai thác giá trị quyền phát thải carbon và đầu tư, khai thác dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu Bảo tồn thiên nhiên Mùong Nhé, khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mùong Phăng.

Tăng cường khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp và thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư phát triển rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn (Giổi xanh, Tô hạp Điện Biên, Lát hoa, Thông, Sa mộc,...) theo hướng tập trung, tạo vùng nguyên liệu để thu hút doanh nghiệp chế biến vào đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ tại huyện Mùong Ảng, Tuần Giáo,... Đầu tư mở rộng diện tích trồng cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị như: Sa nhân, Thảo quả, Sơn tra, Trám... tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm một số cây dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao theo hướng sản xuất hàng hóa.

1.5. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

Rà soát, hoàn thiện bộ máy phòng, chống thiên tai từ tỉnh đến xã; xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai; tăng cường công tác dự báo, cảnh báo nguy cơ và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai. Chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, khả năng ứng phó thiên tai cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kè bảo vệ dân cư, đất sản xuất tại một số nơi cấp thiết.

Quan tâm đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, kiên cố hoá kênh mương, hồ chứa (hồ Bản Phủ, huyện Tuần Giáo; hồ Huổi Trạng Tai và các chum hồ tại huyện Điện Biên; hồ Tông Lệnh, hồ Sông Ún, huyện Tủa Chùa; hồ Nậm Là, huyện Mường Nhé...) để đáp ứng cấp nước cho sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế khác; khôi phục lại các hệ thống tiêu thoát lũ trên địa bàn huyện Điện Biên. Đẩy mạnh ứng dụng các kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường rà soát, kiện toàn và thành lập mới các tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của Luật Thủy lợi; chú trọng quản lý, bảo trì, khai thác hiệu quả công trình sau đầu tư.

1.6. Phát triển các ngành nghề nông thôn

Xây dựng và phát triển các sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn với thực hiện Chương trình OCOP; rà soát, nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ cho các hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình OCOP; lồng ghép hoạt động kinh tế của các làng nghề với các dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống, du lịch nông nghiệp. Chú trọng hỗ trợ và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

1.7. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, thúc đẩy chế biến, bảo quản sau thu hoạch và xúc tiến thương mại

Hoàn thiện cơ chế chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững.

Tăng cường phát triển công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh, phấn đấu nâng tỷ lệ chế biến sâu đạt khoảng 30%. Nghiên cứu, áp dụng công nghệ sơ chế, chế biến tiên tiến để phát triển các sản phẩm mới đối với vùng nguyên liệu tập trung. Quan tâm, thúc đẩy việc đầu tư về mẫu mã, tem mác, bao bì sản phẩm gắn với xây dựng, phát triển nhãn hiệu sản phẩm, thương hiệu nông sản chủ lực, đặc sản của tỉnh và các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, đa dạng hóa thị trường trong và ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu.

2. Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tập trung chỉ đạo các địa phương rà soát và xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 cụ thể, sát với tình hình thực tế; nhất là giải pháp hỗ trợ các thôn, bản ở các xã địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng cao, khu vực biên giới để từng bước hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025.

Đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng thiết yếu, cơ bản ở nông thôn. Tập trung nguồn lực thực hiện hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới, thôn, bản nông thôn mới. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội. Triển khai các giải pháp mạnh mẽ để kiểm chế và xử lý triệt để những nơi phức tạp về an ninh trật tự. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình gắn với rà soát, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

Đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, theo hướng liên kết sản xuất hàng hoá có sự định hướng phù hợp với từng vùng, theo từng sản phẩm chủ lực, lợi thế. Trong đó, xác định hợp tác xã và doanh nghiệp là nòng cốt, từ đó tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo kêu gọi, thu hút doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực về vốn đầu tư, có kinh nghiệm sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản vào đầu tư, hợp tác liên kết thực hiện.

Đánh giá, phân loại và phát triển các loại hình tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất phù hợp đối với từng loại sản phẩm chủ lực để có các giải pháp, chính sách hỗ trợ phù hợp. Phát triển, thành lập mới các hợp tác xã, hỗ trợ tổ chức thành lập các hợp tác xã để liên kết trồng mắc ca với doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể trong sản xuất nông, lâm nghiệp để các tổ chức này thực sự là cầu nối hiệu quả trong liên kết giữa người dân và doanh nghiệp trong trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản hàng hoá.

Quan tâm hỗ trợ phát triển kinh tế hộ theo hướng mở rộng quy mô sản xuất hàng hoá, tăng cường chuyên giao, ứng dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất và hiệu quả sản xuất; chuyển dịch cơ cấu kinh tế hộ theo hướng giảm số lượng kinh tế hộ nhỏ lẻ, chuyển từ hộ nông nghiệp sang hộ phi nông nghiệp.

4. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư

Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, chính sách hỗ trợ, đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp, nông thôn thông qua việc lựa chọn các nội dung, hoạt động có tính then chốt, tác động trực tiếp đến các khâu trong định hướng phát triển dài hạn của ngành nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường khuyến khích, mời gọi, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế và nguồn lực từ các hộ nông dân trên địa bàn toàn tỉnh để đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện lồng ghép, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của các chương trình

mục tiêu quốc gia, các đề án, dự án, vốn tín dụng, vốn đầu tư công... để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, phát triển sản xuất, tạo sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân ở nông thôn. Chủ động tạo nguồn kinh phí để thực hiện xây dựng nông thôn mới từ đầu giá quyền sử dụng đất, khoáng sản,... và huy động tối đa sự tham gia đóng góp của người dân trong xây dựng nông thôn mới như quản lý, hiến đất, đóng góp ngày công, giải phóng mặt bằng,... Quản lý, sử dụng có hiệu quả các khoản hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư, các nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

III- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 95-KH/TU, ngày 21/02/2020 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW, ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025.

2. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, triển khai, giám sát thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; thực hiện rà soát, tích hợp quy hoạch thủy lợi, quy hoạch 3 loại rừng vào quy hoạch tỉnh; chú trọng xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung gắn với phát triển sản phẩm nông sản chủ lực của từng địa phương theo hướng liên kết hàng hóa bền vững. Đẩy mạnh duy trì và tạo lập phát triển các chuỗi liên kết sản xuất mới, đặc biệt là đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm của các dự án liên kết.

3. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế sản xuất của tỉnh về phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ, cây ăn quả, kinh tế lâm nghiệp, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, chính sách tín dụng; rà soát, nhân rộng các mô hình nông nghiệp hiệu quả theo hướng Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Đồng thời thu hút, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp của tỉnh. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá tình hình, hiệu quả của chính sách để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

4. Tăng cường hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước và các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua các dự án đầu tư, nguồn vốn của cá nhân, tổ chức, người dân khi tham gia liên kết; đẩy mạnh các hoạt động cho vay vốn từ các ngân hàng,... Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện hiệu quả vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp.

5. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, nguồn gốc cây, con giống; thường xuyên theo dõi, nắm bắt và chủ động các biện pháp phòng, chống dịch, bệnh hiệu quả; xây dựng các vùng sản xuất, chăn nuôi an toàn. Định hướng, xác định cụ thể các đối tượng cây trồng, vật nuôi phù hợp cho từng vùng. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, triển khai các đề tài, dự án ứng dụng phục vụ sản xuất; tăng cường chuyển giao khoa học, công nghệ vào sản xuất, chế biến để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản; hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ khoa học, công nghệ. Tăng cường xây dựng, phát triển thương hiệu nông sản, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm.

6. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, đội ngũ khuyến nông, kỹ thuật trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế,...; tăng cường phát triển nguồn nhân lực, lao động có tay nghề; nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác để đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên quan tâm bồi dưỡng kỹ năng thực hiện cơ chế, chính sách cho cán bộ cơ sở.

7. Tiếp tục chỉ đạo triển khai mạnh mẽ, đồng bộ chương trình xây dựng nông thôn mới; quan tâm hơn nữa đến phát triển sản xuất, thu nhập và đời sống của người dân nông thôn. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, chi tiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra. Tập trung, ưu tiên nguồn lực đối với các xã cơ bản đạt tiêu chí, các xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, các xã đặc biệt khó khăn; thôn, bản nông thôn mới. Thực hiện nhất quán và triệt để vai trò chủ thể của người dân; đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

8. Tăng cường vai trò, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp tham gia thực sự có hiệu quả đối với phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đề cao tầm quan trọng, vai trò của doanh nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã đối với việc thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp. Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá, khen thưởng và uốn nắn, điều chỉnh kịp thời; tăng cường tuyên truyền, phản ánh những cách làm hay, mô hình sản xuất hiệu quả để phổ biến, nhân ra diện rộng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; các đảng đoàn, ban cán sự đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết này tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Căn cứ Nghị quyết này và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị để cụ thể

hoá bằng nghị quyết, chương trình hoặc kế hoạch để triển khai thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban cán sự đảng UBND tỉnh).

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết. Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thực hiện việc sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả với Tỉnh ủy.

3. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh để triển khai thực hiện; tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

4. Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch quán triệt, phổ biến Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, thường xuyên thông tin kịp thời kết quả về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

6. Các ban Đảng tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này; Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban cán sự đảng Bộ NN&PTNT (phối hợp)
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy, ĐUTT,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH1.



KẾ HOẠCH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

**Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/7/2021 về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 – 2025
– Huyện Tửạ Chùa giai đoạn 2021 – 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/7/2021 về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 – 2025. Ban Thường vụ Huyện ủy Tửạ Chùa xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt đầy đủ nội dung Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/7/2021 về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 – 2025. Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội trong việc cụ thể hóa các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tửạ Chùa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện Kế hoạch này cần đồng bộ với mục tiêu, nội dung của Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 01/01/2021 của Huyện ủy Tửạ Chùa về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 135-KH/HU ngày 11/5/2020 của Ban thường vụ Huyện ủy Tửạ Chùa về thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 - Huyện Tửạ Chùa. Thực hiện thống nhất đồng bộ, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong thực hiện các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; làm cơ sở để tiến hành kiểm tra, giám sát, thanh tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trước hết là người đứng đầu căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU, Kế hoạch này đánh giá tình hình và yêu cầu thực tế tại địa phương, đơn vị mình để chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, toàn diện có trọng tâm, trọng điểm với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thực hiện có hiệu quả, kịp thời phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người dân nông thôn và góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế huyện; chú trọng làm rõ các vùng sản xuất tập trung cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện có tiềm năng lợi thế các địa phương, áp dụng giống mới, công nghệ, khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; gắn kết chặt chẽ sản xuất với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khuyến khích thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh nông nghiệp, dịch vụ hoạt động hiệu quả, góp phần đẩy nhanh tiến độ xóa đói, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

(1). Đảm bảo an ninh lương thực; duy trì ổn định, không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng lương thực tại các vùng sản xuất trọng điểm với trên 560 ha lúa 2 vụ, 2.030 ha lúa 01 vụ. Tập trung tại các cánh đồng lớn tại Thị trấn và các xã Mường Báng, Tủa Thàng, Mường Đun, Xá Nhè, Tả Phìn. Đến năm 2025, tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 28.000 tấn.

(2). Bảo vệ và chăm sóc diện tích chè hiện có 595,89 ha, trong đó quan tâm bảo vệ 7.300 cây chè cao cổ thụ; phấn đấu phát triển vùng chè theo chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm; trồng mới 1,5 vạn cây chè Shan tuyết trở lên tập trung tại địa bàn các xã phía Bắc; phấn đấu đến năm 2025 sản lượng chè thương phẩm đạt trên 25 tấn.

(3). Chú trọng phát triển làm rõ các vùng sản xuất theo hướng chuyên canh tập trung tạo nguồn nguyên liệu ổn định, đáp ứng nhu cầu chế biến, gắn kết hình thành các chuỗi giá trị liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phấn đấu tăng trưởng đàn gia súc trung bình 3 - 4%/năm. Phát triển thủy sản tại địa bàn các xã vùng thấp, khai thác lợi thế của vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; phấn đấu đến năm 2025 diện tích nuôi thủy sản đạt trên 80 ha, sản lượng thủy sản đạt 155 tấn/năm trở lên.

(4). Tập trung bảo vệ diện tích rừng hiện có 25.997 ha và diện tích rừng tăng thêm hàng năm, khoanh nuôi tái sinh mỗi năm trên 200 ha, chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng chuyển tiếp. Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 40% trở lên.

(5). Phấn đấu đến năm 2025, trung bình mỗi xã có ít nhất 1 sản phẩm OCOP, 1 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác dịch vụ nông nghiệp.

(6). Phấn đấu đến năm 2025 có 03/11 xã cơ bản đạt chuẩn và đạt chuẩn nông thôn mới (Mường Báng, Mường Đun, Tủa Thàng); các xã còn lại bình quân đạt từ 12/19 tiêu chí trở lên; có 30% số thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với tái cơ cấu lại sản xuất

Tập trung phát triển sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực theo quy hoạch, nhằm hiện thực hóa vai trò chủ lực của các sản phẩm; đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, an toàn thực phẩm nâng cao giá trị sản phẩm, hình thành các vùng sản xuất tập trung trọng điểm, có liên kết chuỗi gắn với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ. Cụ thể theo từng lĩnh vực:

1.1. Trồng trọt

Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, tạo ra những sản phẩm chủ lực có khối lượng lớn, liên kết sản phẩm theo vùng, thúc đẩy liên kết trong sản xuất, xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với thương hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã.

Phát triển sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm; quản lý, bảo vệ tốt trên 2.030 ha lúa ruộng trong đó có 560 ha lúa 2 vụ tại các xã Mường Báng, Thị trấn, Mường Đun, Tủa Thàng, Thị trấn, Tả Phìn, phát triển 200 ha là các giống lúa đặc sản có giá trị cao được thị trường ưa chuộng, đẩy mạnh sử dụng các giống lúa, ngô mới có chất lượng, năng suất cao, khả năng kháng sâu bệnh tốt phấn đấu đến năm 2025 năng suất lúa trung bình đạt từ 48 tạ/ha sản lượng 15.538 tấn; ngô đạt 25 tạ/ha, sản lượng đạt 12.546 tấn, tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt trên 28.000 tấn đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn; xây dựng một số chuyên canh giảm dần diện tích lúa nương để chuyển đổi sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu, trồng cây thức ăn chăn nuôi,...

Tập trung phát triển các cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng lớn theo chuỗi liên kết giá trị như: Cây ăn quả (đào địa phương, chanh leo...) quy mô 100 ha tại các xã Trung Thu, Mường Báng, Sín Chải, Tả Sìn Thàng, Lao Xả Phình...; cây rau, củ ngắn ngày (khoai sọ, su su, đậu đỏ, đậu tây, đậu hà lan, cải mềo... quy mô 150 ha tại các xã Trung Thu, Mường Báng, Tủa Thàng, Lao Xả Phình, Tả Sìn Thàng, Sín Chải, Sính Phình, Thị trấn; cây dược liệu (sa nhân, thảo quả, đẳng sâm, đương quy, gừng, nghệ...) quy mô 200 ha tại các xã Mường Đun, Tủa Thàng, Huổi Sớ, Sính Phình, Tả Phìn... giá trị kinh tế đạt trên đơn vị diện tích từ 50 - 100 triệu đồng/ha trở lên. Duy trì và phát triển tốt 200 ha chè có hiệu quả tập trung tại các xã Sính Phình, Tả Sìn Thàng, Sín Chải, Tả Phìn, trong đó: Xây dựng vùng sản xuất chè liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ dân theo tiêu chuẩn VietGap, UTZ, hữu cơ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tại huyện với quy mô khoảng 100 ha trở lên. Bảo tồn và khai thác hiệu quả 7.900 cây chè Shan Tuyết cổ thụ hiện có, xây dựng Đề án bảo tồn cây chè di sản gắn với du lịch dịch vụ, tăng cường áp dụng kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất và chất lượng chè theo hướng nông nghiệp sạch; tổ chức gieo ươm nhân giống, trồng dặm tối thiểu 1,5 vạn cây chè Shan Tuyết bản địa đảm bảo mật độ cây diện tích tại các vùng thích nghi, có chất lượng chè tốt, phấn đấu đến năm 2025 sản lượng chè búp tươi đạt 150 tấn, chè thương phẩm đạt 25 tấn.

Tập trung phát triển vùng trồng cây Mắc ca diện tích 2.000 ha với phương thức liên kết tiêu thụ sản phẩm tại các xã Mường Báng, Xá Nhè, Mường Đun, Tủa Thàng, Huổi Sớ, Sính Phình, Thị trấn... gắn với phát triển công nghiệp chế biến; áp dụng tiến bộ công nghệ cao; thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở, nhà máy chế biến sâu để tạo nguồn hàng đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường; có giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người nông dân, doanh nghiệp thu hút đầu tư; ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình kỹ thuật tiên tiến, giống mới; đẩy mạnh cơ giới hóa, giải pháp tưới tiết kiệm, áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững; mở rộng diện tích sản xuất an toàn, giảm sử dụng các loại

phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu, bệnh; chú trọng các khâu công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến. Tổ chức xây dựng, phát triển được tối thiểu 01 chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản an toàn được xác nhận, gắn với thương hiệu địa phương.

1.2. Chăn nuôi

Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đất đai, nguồn lợi tự nhiên (bãi chăn thả), nguồn lao động để chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường; chú trọng bảo tồn, phát triển các đối tượng giống vật nuôi chủ lực, đặc sản của địa phương trong đó, ưu tiên phát triển đàn trâu tại các xã Sính Phình, Tả Phìn, Tả Sìn Thàng, Sín Chải... ngựa tại xã Sính Phình, Xá Nhè; chăn nuôi dê, lợn, gà HMông tại các xã Mường Báng, Xá Nhè, Sính Phình; vịt bầu tại xã Mường Đun, Tủa Thàng, Tả Phìn. Bình quân tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt từ 3-4% trở lên, gia cầm từ 6% trở lên. Phân đầu đến năm 2025 tổng đàn gia súc đạt 103.545 con, gia cầm đạt 324.095 con, số lượng gia súc xuất bán ngoài huyện đạt trên 10.000 con, sản lượng thịt thương phẩm đạt 3.025 tấn.

Tập trung chọn lọc, cải tạo nâng cao tầm vóc giống trâu, bò địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng thịt thương phẩm; giảm tỷ trọng chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, tiếp tục duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hướng chăn nuôi gia trại có kiểm soát, an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường; làm tốt dịch vụ thú y đồng thời tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết sản phẩm từ khâu sản xuất đến thị trường.

Thực hiện chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa nương và cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn cho chăn nuôi gia súc. Xây dựng, phát triển các mô hình trồng cỏ thâm canh, trồng ngô sinh khối, mở rộng diện tích cây thức ăn gia súc đạt trên 100 ha... thu gom rơm rạ và các phế phụ phẩm khác trong nông nghiệp chế biến, dự trữ làm thức ăn cho trâu, bò, ngựa, dê.

Thực hiện kiểm soát tốt môi trường và dịch bệnh trong chăn nuôi, tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại nuôi nhốt đạt trên 95%, khuyến cáo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống thiên tai đói rét hàng năm, quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia trong chăn nuôi phát triển theo hướng an toàn sinh học. Khuyến khích thành lập các HTX chăn nuôi dịch vụ có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ quy mô nhỏ, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP địa phương.

1.3. Thủy sản

Tận dụng tối đa diện tích mặt nước hiện có và mở rộng diện tích mặt nước nuôi thủy sản tại các ao hồ thủy lợi, thủy điện; đẩy mạnh phát triển nuôi lồng bè gắn với các loại hình du lịch dịch vụ trên sông tại khu vực lòng hồ thủy điện Sơn La địa phận các xã Tủa Thàng, Huổi Sỏ, Sín Chải; đa dạng các hình thức nuôi từ các loại thủy sản truyền thống (trắm, chép, trôi, mè, rô phi) đến thí điểm nhân rộng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao (cá lăng chấm, chép giòn, trắm giòn, ba

ba)...phần đầu đến năm 2025 toàn huyện có trên 80 ha diện tích nuôi trồng thủy sản với sản lượng đạt 155 tấn/năm trở lên; chú trọng phát triển các hợp tác xã có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm tăng thu nhập cho hộ dân.

1.4. Lâm nghiệp

Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng; tập trung giữ gìn bảo vệ 25.997 ha diện tích rừng tự nhiên hiện có và khoanh nuôi tái sinh tối thiểu mỗi năm thêm 200 ha để tăng thêm diện tích rừng tại các xã có diện tích rừng lớn như: Mường Báng, Xá Nhè, Mường Đun, Tủa Thàng, Sín Chải...; tập trung hoàn thiện việc giao đất có rừng, đất lâm nghiệp chưa có rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện đến cá nhân, cộng đồng làm cơ sở quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Ưu tiên sử dụng ngân sách Nhà nước cho trồng cây phân tán, Tết trồng cây, trồng cây hoa ban, hoa đào địa phương tại các khu vực phù hợp, phần đầu số lượng trồng năm sau cao tối thiểu 1,5 lần so với năm trước theo phát động của Thủ tướng chính phủ phần đầu đến năm 2025 trồng được tối thiểu 84.000 cây phân tán, phong trào các loại; quan tâm ưu tiên cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng, theo dõi diễn biến rừng, cập nhật diện tích rừng tăng thêm hàng năm, xây dựng thực hiện hiệu quả phương án bảo vệ rừng, khắc phục diện tích rừng trồng thay thế không thành rừng. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và từng bước khai thác hiệu quả các giá trị du lịch, sinh thái của rừng; trồng xen, trồng dưới tán rừng bằng một số cây dược liệu như sa nhân, thảo quả, tam thất... phù hợp để vừa nâng cao thu nhập và nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng của người dân.

Giảm hạn chế thấp nhất số lượng các vụ việc vi phạm Lâm luật, không để tình trạng đốt, phá rừng xảy ra; phần đầu tăng tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt 40%.

1.5. Cơ giới hóa vào sản xuất; bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm

Tăng cường cơ giới hóa vào sản xuất, nâng tỷ lệ ứng dụng máy móc thiết bị vào khâu làm đất lên trên 90%, thu hoạch trên 60%, phát triển công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh như: Lúa, chè, cây rau củ quả, cây dược liệu, cây mắc ca...; xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung bảo đảm quy mô theo quy hoạch; giảm xuất bán sản phẩm chưa qua chế biến, sản phẩm thô. Tỷ lệ chế biến sâu đạt khoảng 20%. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ sơ chế, chế biến tiên tiến để phát triển các sản phẩm mới; Hỗ trợ, phát triển các hoạt động sơ chế, bảo quản nông sản đối với các loại rau củ quả, các sản phẩm từ chăn nuôi (thịt trâu, bò, ngựa, dê lợn, gà đặc sản)... các sản phẩm từ các vùng trồng cây rau củ quả, cây mắc ca có liên kết với các nhà máy chế biến các khu vực Tuần Giáo, Sơn La.

1.6. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

Quan tâm đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, kiên cố hoá kênh mương, kịp thời sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa lớn trên địa bàn Hồ Tông Lệnh, Sung Ún để đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế khác, đặc biệt là đảm bảo đủ nước tưới cho khoảng 2.000 ha lúa ruộng và các vùng sản xuất rau màu, cây công nghiệp hàng hóa, chăn nuôi tập trung. Tăng cường ứng dụng các kỹ thuật tưới tiên tiến,

tiết kiệm nước, đặc biệt là đối với diện tích cây trồng cạn, cây ăn quả, cây công nghiệp trên đất dốc,...

Rà soát, củng cố các tổ chức quản lý, khai thác các công trình thủy lợi để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng; chú trọng quản lý, bảo trì công trình sau đầu tư. Tăng cường củng cố, kiện toàn và thành lập mới các tổ chức thủy lợi cơ sở (Tổ hợp tác, hợp tác xã) theo quy định của Luật Thủy lợi để quản lý, khai thác các công trình thủy lợi do huyện quản lý.

Rà soát, hoàn thiện bộ máy phòng, chống thiên tai từ huyện đến xã; xây dựng và thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai các cấp; tăng cường công tác dự báo, cảnh báo nguy cơ và phòng, chống thiên tai. Chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao hiệu quả cho cán bộ, người dân để tăng hiệu quả phòng, chống thiên tai. Cập nhật, bổ sung, phê duyệt kế hoạch PCTT, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm. Nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã; xây dựng cộng đồng sống an toàn trong thiên tai.

2. Phát triển kinh tế tập thể, xây dựng sản phẩm OCOP

Khuyến khích thành lập các HTX theo Luật HTX năm 2012, tư vấn hướng dẫn định hướng, tạo mọi điều kiện để các HTX phát huy hoạt động hiệu quả là cầu nối trong khâu tổ chức sản xuất, liên kết doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm; quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, nông dân, cán bộ chuyên môn được tham quan, học tập các mô hình mới, cách làm hay trong phát triển kinh tế tập thể tại các địa phương điển hình, hỗ trợ tiếp cận thông tin về thị trường, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất.

Vận động các chủ thể tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia phát triển các sản phẩm OCOP trên cơ sở là các sản phẩm nông sản có tiềm năng, thế mạnh là đặc sản của các địa phương. Quan tâm, thúc đẩy việc đầu tư về mẫu mã, tem mác, bao bì sản phẩm, xây dựng gian hàng nông sản đặc trưng, xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực gắn với xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực gắn với phát triển sản phẩm OCOP của huyện; ưu tiên đầu tư cho xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đa dạng bằng nhiều hình thức nhất là trên các kênh thông tin có lượng truy cập lớn, tại các điểm dừng chân, khu danh lam thắng cảnh du lịch, home stay trên địa bàn huyện; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút, kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản hàng hóa của huyện. Phấn đấu đến năm 2025 phát triển mới thêm tối thiểu 8 sản phẩm OCOP, mỗi xã có tối thiểu một HTX hoạt động lĩnh vực nông nghiệp.

3. Xây dựng nông thôn mới

Đến năm 2025 bình quân các xã đạt 15/19 tiêu chí tăng 6 tiêu chí so với năm 2020, cụ thể: xã Mường Đun, Tòa Thành, Mường Báng đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn (17- 19 tiêu chí), các xã còn lại đạt từ 12 – 15 tiêu chí, không có xã dưới 10 tiêu chí; 37/103 thôn bản, chiếm 36% đạt và cơ bản đạt thôn bản nông thôn mới theo bộ tiêu chí thôn bản nông thôn mới của tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm bình quân 4%/năm; thu nhập bình quân của người dân khu vực nông thôn đến năm 2025 gấp 1,5 lần so với năm 2020; tỷ lệ người dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 85%.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu vốn thực hiện giai đoạn 2021 – 2025 là 435 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 155 tỷ;
- Vốn huy động từ cộng đồng, tín dụng, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 280 tỷ.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyện đến toàn thể cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo sự thống nhất về quan điểm, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp, khả thi trong quá trình thực hiện. Xác định quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ; tạo mối quan hệ khăng khít giữa kinh tế đô thị và khu vực nông thôn nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và sinh thái. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa với quy mô tập trung trên cơ sở thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch ngành nông nghiệp đã được tỉnh, huyện phê duyệt; thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch sản xuất hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, xã; chú trọng xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung gắn với phát triển sản phẩm nông sản chủ lực, lợi thế, đặc sản của từng xã theo chuỗi liên kết hàng hóa chặt chẽ, hình thành và phát triển vùng nguyên liệu, sản phẩm OCOP của từng xã.

3. củng cố và đổi mới hoạt động của thành phần kinh tế hợp tác, phát triển đa dạng các hình thức sản xuất ở nông thôn. Tạo cơ chế thuận lợi cho kinh tế tập thể, kinh tế hộ, kinh tế trang trại và doanh nghiệp ở nông thôn phát triển. Tiếp tục kêu gọi, hỗ trợ các doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tập trung vào các loại nông sản chủ lực gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ, chế biến sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, chú trọng quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm.

4. Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá hiệu quả, nhân rộng các mô hình, dự án. Thực hiện tốt nhiệm vụ khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, bảo vệ rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho các tổ chức, cá nhân để quản lý, bảo vệ phát triển rừng.

5. Thực hiện nghiêm các quy định về tăng cường quản lý đầu tư công, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; rà soát và sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư, nhất là các hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp như: Thủy lợi, hệ thống điện phục vụ sản xuất, giao thông nông thôn, công trình cấp nước sạch, cơ sở sản xuất chế biến... đáp ứng yêu cầu quy mô sản xuất hàng hóa.

Triển khai thực hiện các chính sách, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp lâm nghiệp chủ lực, lợi thế của địa phương.

6. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh việc đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông lâm nghiệp. Đẩy mạnh thông tin khoa học – kỹ thuật – thương mại để hỗ trợ các thành phần kinh tế về khoa học, công nghệ, thị trường, định hướng phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

7. Tiếp tục triển khai đồng bộ hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội, giai đoạn 2021-2025, trong đó quan tâm, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, bảo vệ môi trường bền vững. Hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, xây dựng môi trường căn hóa nông thôn lành mạnh, đẩy mạnh thực hiện các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa”, cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng thôn bản, xã, gia đình văn hóa; bảo tồn, tôn tạo, phát huy bản sắc văn hóa của từng địa phương, từng vùng, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương trợ, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các thủ tục lạc hậu mê tín, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn. Tăng cường huy động, sử dụng lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, khai thác có hiệu quả các dự án đã được đầu tư; tăng cường giám sát cộng đồng đối với những dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn.

8. Tăng cường hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết hợp giữa nguồn vốn đầu tư của nhà nước với nguồn vốn xã hội hóa thông qua đóng góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư để thực hiện đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Thủy lợi nhỏ, kênh mương, đường giao thông nội đồng, ... để đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ các ngân hàng, Quỹ tín dụng, Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ phát triển Hợp tác xã, ... Tập trung kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và huy động các nguồn lực trong dân, nguồn ODA, ... để thực hiện các nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ban, ngành, Ủy ban MTTQ huyện và các đoàn thể huyện tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Tỉnh ủy và kế hoạch này tới các bộ, đảng

viên, công chức, viên chức và Nhân dân; lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị.

2. Giao UBND huyện căn cứ Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các cơ quan ban ngành, UBND các xã, thị trấn căn cứ vào tình hình thực tế, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/7/2021 và kế hoạch này; tiến hành sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Huyện uỷ.

3. Các chi, đảng bộ trực thuộc; các xã, thị trấn căn cứ Kế hoạch này tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

4. Văn phòng Huyện uỷ phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Huyện uỷ./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh uỷ (b/c),
- UBND tỉnh,
- Sở Nông nghiệp và PTNT,
- TT Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện,
- Các phòng, ban, MTTQ và đoàn thể của huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện uỷ,
- Các đ/c UVBCH Đảng bộ huyện;
- Lưu VPHU.

T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ

Vùi Văn Nguyên

Phụ biểu số 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HUYỆN TỬA CHÙA NĂM 2020

STT	Tên đơn vị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh	Tổng số tiêu chí đạt năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
I	Huyện Tủa Chùa																				
1	Mường Báng	1	1	1		1	1	1	1				1		1	1	1		1	1	13
2	Xá Nhè	1		1			1	1	1				1		1					1	8
3	Mường Đun	1	1	1			1	1	1				1		1	1	1			1	11
4	Tủa Thành	1	1	1			1	1	1				1	1		1	1			1	11
5	Sính Phình	1		1			1	1	1				1	1		1	1			1	10
6	Trung Thu	1		1				1	1				1	1			1			1	8
7	Tả Phìn	1		1			1	1	1				1			1	1			1	9
8	Tả Sin Thành	1					1	1	1				1				1			1	7
9	Sín Chải	1					1	1	1				1			1	1			1	8
10	Lao Xả Phình	1					1	1	1				1			1	1			1	8
11	Huổi Sớ	1							1				1				1			1	5
	Tổng cộng	11	3	7	0	1	9	10	11	0	0	0	11	3	3	7	10	0	1	11	8.9

Phụ biểu số 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HUYỆN TỬA CHÙA NĂM 2025

STT	Tên đơn vị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh	Tổng số tiêu chí đạt 6 tháng đầu năm 2021	Số tiêu chí tăng so với năm 2020
1	2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
I	Huyện Tủa Chùa																					
1	Mường Báng	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	5
2	Xá Nhè	1	1	1	1		1	1	1	1			1	1	1	1	1		1	1	15	7
3	Mường Đun	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	8
4	Tủa Thành	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	17	6
5	Sính Phình	1	1	1	1	1	1	1	1				1	1	1	1	1		1	1	15	5
6	Trung Thu	1	1	1	1		1	1	1				1	1	1	1	1		1	1	14	6
7	Tả Phìn	1	1	1	1		1	1	1				1	1	1	1	1		1	1	14	5
8	Tả Sin Thành	1	1	1	1		1	1	1	1			1	1	1	1	1		1	1	15	8
9	Sín Chải	1	1	1	1		1	1	1				1	1	1	1	1		1	1	14	6
10	Lao Xả Phình	1			1		1	1	1				1	1	1	1	1		1	1	12	4
11	Huổi Sỏ	1			1		1	1	1				1	1	1	1	1		1	1	12	7
	Tổng cộng	11	9	9	11	4	11	11	11	5	1	2	11	11	11	11	11	3	11	11	15.0	

6.1

4.95

Phụ lục 3

**BỔ SUNG MỤC TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM
GIAI ĐOẠN 2021-2025
HUYỆN TỬA CHÙA**

TT	Nội dung	Năm				
		2021	2022	2023	2024	2025
I	CẤP HUYỆN					
	Huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới					
II	CẤP XÃ					
1	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu					
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới					
	Xã Mường Đùn					x
4	Xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (đạt từ 15-18 tiêu chí)					
4.1	Xã Mường Báng					x
4.2	Xã Tủa Thành					x
III	CẤP THÔN BẢN					
1	Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu					
2	Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (37/103 thôn bản đạt)					
2.1	Xã Mường Báng					
	Phai Tung		x			
	Tiên Phong		x			
	Nong Hung			x		
	Phiêng Bung			x		
	Nà Ấng				x	
	Đông Phi				x	
	Từ Ngài 1					x
2.2	Xã Mường Đùn					
	Bản Đùn			x		
	Đùn Nưa				x	
	Bản Hột			x		
	Bản Kép			x		
	Lọng Phạ				x	
	Nà Xa				x	
	Đề Tâu				x	

2.3	Xã Tủa Thành					
	Tà Si Láng				x	
	Tả Huổi Tráng 1				x	
	Huổi Tráng			x		
	Tả Huổi Tráng 2				x	
	Làng Vùa				x	
2.4	Xã Sính Phình					
	Thôn 1			x		
	Thôn 4				x	
	Tào Pao					x
	Tà Là Cáo				x	
2.5	Xã Trung Thu					
	Thôn Trung Thu			x		
	Nhè Sua Háng				x	
	Bản Phô				x	
	Pô Ca Dao					x
	Trung Phàng Khố					x
2.6	Xã Tả Phìn					
	Thôn Tả Phìn				x	
2.7	Xã Lao Xả Phình					
	Thôn 1				x	
2.8	Xã Tả Sìn Thành					
	Tả Sìn Thành			x		
2.9	Xã Sín Chải					
	Sín Chải			x		
	Háng Là				x	
	Cáng Tỷ					x
2.10	Xã Huổi Sớ					
	Thôn Huổi Sớ 2					x
	Huổi Lóng			x		
2.11	Xã Xá Nhè					
	Sín Sủ 2				x	
	Bản Lịch 2					x